



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ 4 NĂM 2016

Tháng 1 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		820.877.569.651	955.733.459.719
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	394.707.165.595	441.088.716.007
1. Tiền	111		87.307.073.980	209.415.910.458
2. Các khoản tương đương tiền	112		307.400.091.615	231.672.805.549
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		330.915.754.058	408.654.072.567
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		33.485.347.450	2.503.454.815
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		47.211.992.663	47.776.192.909
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		250.218.413.945	358.374.424.843
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		291.915.858	-
1. Hàng tồn kho	141	9	291.915.858	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		94.962.734.140	105.990.671.145
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.595.226.512	1.508.356.232
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		90.191.513.398	20.337.459.698
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		175.994.230	83.885.173.352
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	259.681.863
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		1.611.960.069.229	770.214.437.709
I. Tài sản cố định	220		1.042.436.023.678	137.094.888.873
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	869.948.651.297	36.555.655.851
- Nguyên giá	222		936.818.910.001	83.095.470.652
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.870.258.704)	(46.539.814.801)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	172.487.372.381	100.539.233.022
- Nguyên giá	228		175.492.003.281	101.191.223.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.004.630.900)	(651.990.259)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.785.181.670	102.376.512.124
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	41.785.181.670	102.376.512.124
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		421.923.198.283	422.485.179.338
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	462.663.734.876	462.663.734.876
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	14.359.957.249	14.359.957.249
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7	(57.100.493.842)	(56.538.512.787)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		105.815.665.598	108.257.857.374
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	105.815.665.598	108.257.857.374
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.432.837.638.880	1.725.947.897.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.015.067.215.875	351.885.507.198
I. Nợ ngắn hạn	310		617.319.963.401	208.072.782.259
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		375.003.172.679	14.842.082.993
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.723.949.540	-
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.015.472.907	271.881.403
4. Phải trả người lao động	314		12.965.415.515	14.524.186.725
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		150.000.000	3.500.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		179.759.163.513	136.332.833.967
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		42.702.789.247	38.601.797.171
II. Nợ dài hạn	330		397.747.252.474	143.812.724.939
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		129.545.454.548	136.363.636.364
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	7.449.088.575
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	15	268.201.797.926	-
4. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.417.770.423.005	1.374.062.390.230
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.417.770.423.005	1.374.062.390.230
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		866.001.240.000	846.001.240.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		133.918.052.614	133.918.052.614
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		159.111.461.673	159.111.461.673
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		258.739.668.718	235.031.635.943
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		126.396.701.420	164.392.536.392
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		132.342.967.298	70.639.099.551
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.432.837.638.880	1.725.947.897.428



Hà Văn Phương

Người lập biểu

Ngày 23 tháng 01 năm 2017



Đào Văn Đại

Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà

Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kì kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 Năm 2016	Lũy kế Năm 2016	Quý 4 Năm 2015	Lũy kế Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		56.148.830.120	118.944.909.077	21.609.877.905	769.699.141.552
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		56.148.830.120	118.944.909.077	21.609.877.905	769.699.141.552
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		37.559.565.012	53.032.904.423	7.277.058.302	678.618.547.927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.589.265.108	65.912.004.654	14.332.819.603	91.080.593.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		104.148.003.804	128.715.357.092	133.180.732.756	169.778.588.162
7. Chi phí tài chính	22		-1.436.373.353	635.680.007	17.368.292.510	23.880.850.578
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	6.090.616.546
8. Chi phí bán hàng	24		1.410.337.020	4.819.766.696	1.749.418.028	24.449.346.615
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.297.197.559	49.672.557.636	17.652.514.021	52.311.617.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		110.466.107.686	139.499.357.407	110.743.327.800	160.217.367.321
11. Thu nhập khác	31		2.476.953.280	2.855.348.014	3.277.290.867	3.356.262.439
12. Chi phí khác	32		(7.682.152)	17.317.848	603.031.730	1.703.499.617
13. Lợi nhuận khác	40		2.484.635.432	2.838.030.166	2.674.259.137	1.652.762.822
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.950.743.118	142.337.387.573	113.417.586.937	161.870.130.143
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.899.898.318	9.994.420.275	(1.468.017.770)	8.120.906.592
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		109.050.844.800	132.342.967.298	114.885.604.707	153.749.223.551

(Signature)

Hà Văn Phương
Người lập biểu
Ngày 23 tháng 01 năm 2017

(Signature)

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT

11/01/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kì kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế Năm 2016	Lũy kế Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>142.337.387.573</i>	<i>161.870.130.143</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.297.813.286	3.887.480.362
Các khoản dự phòng	03	561.981.055	17.365.303.882
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(128.715.357.092)	(169.778.588.162)
Chi phí lãi vay	06	-	6.090.616.546
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>37.481.824.822</i>	<i>19.434.942.771</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(77.738.318.509)	206.539.667.071
Thay đổi hàng tồn kho	10	(291.915.858)	90.244.101.961
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(365.040.614.709)	(501.585.544.654)
(Giảm) tài sản ngắn hạn khác		-	-
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.086.870.280	3.510.441.776
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(6.090.616.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.127.745.510)	(8.148.426.105)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(12.513.035.124)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(408.629.899.484)</i>	<i>(208.608.468.850)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	60.591.330.454	(106.373.453.218)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	33.783.728.448
Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	128.715.357.092	169.778.588.162
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>189.306.687.546</i>	<i>78.588.863.392</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	280.164.925.764	242.991.980.273
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.963.127.838)	(555.347.661.797)
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	35	-	-
Tiền chi trả cổ tức	36	(95.260.136.400)	(83.101.240.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>172.941.661.526</i>	<i>(395.456.921.524)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(46.381.550.412)</i>	<i>(525.476.526.982)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	441.088.716.007	966.565.242.989
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</i>	<i>70</i>	<i>394.707.165.595</i>	<i>441.088.716.007</i>



Hà Văn Phương
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 01 năm 2017



Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 15 số 0300452060 ngày 21 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty Mẹ tại ngày cuối kỳ là 64 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 76).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: mua bán thiết bị viễn thông; đại lý du lịch; chế biến, mua bán nước sinh hoạt; sản xuất cồn thực phẩm, cồn công nghiệp, cồn nhiên liệu; kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng; kinh doanh nhà ở, văn phòng đại diện, kinh doanh bất động sản; mua bán thực phẩm, nhu yếu phẩm, hải sản; chế biến nông sản, lương thực (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn, máy móc, thiết bị phục vụ vệ sinh công nghiệp; linh kiện sử dụng cho vỏ bình khí; bán buôn máy thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; dịch vụ vui chơi giải trí (trừ karaoke, tổ chức đánh bạc); xây dựng nhà các loại; kinh doanh xăng dầu; điều hành tour du lịch; hoạt động xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; sản xuất thức ăn gia súc (không hoạt động tại trụ sở); vệ sinh khu nhà và các công trình; quản lý bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; mua bán nông sản; mua bán lương thực; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn phân đạm, hóa chất dùng trong công nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh); mua bán nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn nhựa tổng hợp, chất dẻo dạng nguyên sinh, hóa chất công nghiệp, tơ, sợi dệt; mua bán phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; đại lý mua bán hàng hóa; sản xuất vỏ bình khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; duy tu, sửa chữa, gia công cơ khí - điện - nước và chống ăn mòn kim loại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); đào tạo nghề; sản xuất nhiên liệu sinh học, khí CO₂, NH₃ (không hoạt động tại trụ sở); đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; dịch vụ kiểm đếm, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ môi giới hàng hải; vận tải đa phương thức quốc tế; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải); kinh doanh khách sạn; chế biến hải sản (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống, gây ô nhiễm môi trường tại trụ sở); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt các công trình dầu khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); sửa chữa máy móc, thiết bị; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD. Quảng cáo, hoạt động của các cơ sở thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá tiền thuê kho Hồ Nai – Đồng Nai được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê kho theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2016, Tổng Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi 6% lợi nhuận sau thuế

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	361.467.912	176.134.654
Tiền gửi ngân hàng	86.945.606.068	209.239.775.804
Các khoản tương đương tiền (i)	307.400.091.615	231.672.805.549
	394.707.165.595	441.088.716.007

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000

7. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29.882.192.415	29.882.192.415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	1.641.016.490	1.641.016.490
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	2.000.000.000	-
Công ty CP TM DV DK Miền Trung	6.014.632.701	17.365.303.882
Công ty CP Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty CP Hội Tụ Thông Minh	9.912.652.236	-
	57.100.493.842	56.538.512.787

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Hàng hóa	291.915.858	-
	291.915.858	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện, vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2016	63.126.643.208	6.684.948.654	9.193.787.843	4.090.090.947	83.095.470.652
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tăng khác	652.999.088.660	-	-	201.335.884.359	854.334.973.019
Thanh lý, nhượng bán					-
Giảm khác	(479.907.479)		(131.626.191)		(611.533.670)
Tại ngày 31/12/2016	715.645.824.389	6.684.948.654	9.062.161.652	205.425.975.306	936.818.910.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2016	35.612.421.415	3.183.401.103	3.949.708.015	3.794.284.268	46.539.814.801
Khấu hao trong năm	11.799.351.268	702.897.072	1.197.082.764	7.245.841.541	20.945.172.645
Thanh lý, nhượng bán			-	-	-
Giảm khác (i)	(479.907.479)	-	(134.821.263)	-	(614.728.742)
Tại ngày 31/12/2016	46.931.865.204	3.886.298.175	5.011.969.516	11.040.125.809	66.870.258.704
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2016	668.713.959.185	2.798.650.479	4.050.192.136	194.385.849.497	869.948.651.297
Tại ngày 01/01/2016	27.514.221.793	3.501.547.551	5.244.079.828	295.806.679	36.555.655.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	100.112.600.381	1.078.622.900	101.191.223.281
Mua mới	74.300.780.000		74.300.780.000
Tại ngày 31/12/2016	25.811.820.381	1.078.622.900	175.492.003.281
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	-	651.990.259	651.990.259
Khấu hao trong năm	1.955.283.684	397.356.957	2.352.640.641
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	1.955.283.684	1.049.347.216	3.004.630.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2016	23.856.536.697	29.275.684	172.487.372.381
Tại ngày 01/01/2016	100.112.600.381	426.632.641	100.539.233.022

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	102.376.512.124	6.106.206.704
Tăng trong kỳ	608.662.108.202	96.270.305.420
Kết chuyển sang tài sản cố định	669.253.438.656	-
Tại ngày cuối kỳ	41.785.181.670	102.376.512.124

Chi tiết theo công trình:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	202.211.970	202.211.970
Dự án Nghi Sơn	-	101.112.071.454
Dự án 41D Vũng Tàu	40.985.099.600	464.358.600
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	597.870.100	597.870.100
	41.785.181.670	102.376.512.124

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày cuối kỳ như sau:

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	113.600.000.000	113.600.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	31.681.662.678	31.681.662.678
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	64.341.999.232	64.341.999.232
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	74.742.000.000	74.742.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	58.962.908.969	58.962.908.969
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	9.985.163.997	9.985.163.997
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	16.500.000.000	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic dầu khí Việt Nam	6.600.000.000	6.600.000.000
Công ty CP Công nghệ ASSA	18.500.000.000	18.500.000.000
Công ty CP Vận tải và xếp dỡ cầu kiện siêu trường siêu trọng	5.100.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH MTV DV Thương mại Dầu khí ("PST")	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV DV Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG")	10.400.000.000	10.400.000.000
Công ty CP Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí	5.100.000.000	5.100.000.000
	462.663.734.876	462.663.734.876

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	79,87%	79,87%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100%	100%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70%	70%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	99,87%	99,87%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	78,60%	78,60%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	55%	55%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	Tp. HCM	51%	51%	Bán lẻ điện thoại
Công ty CP Công nghệ ASSA	Tp. HCM	60%	60%	Gia công linh kiện điện tử
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic dầu khí Việt Nam	Tp. HCM	44%	44%	Logistics
Công ty CP Vận tải và xếp dỡ cầu kiện siêu trường siêu trọng	Tp. HCM	51%	51%	Logistics
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí	Tp. HCM	51%	51%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông

Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và 314/QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Trading") và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Hiện tại, Petrosetco Trading và Petrosetco Sài Gòn Dầu khí đang trong quá trình quyết toán với cơ quan Thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp, từ năm 2012 đến nay không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14.359.957.249	14.359.957.249
	<u>14.359.957.249</u>	<u>14.359.957.249</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê văn phòng (i)	105.815.665.598	108.257.857.374
Thuê kho Hồ Nai	-	-
	<u>105.815.665.598</u>	<u>108.257.857.374</u>

(i) Là khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	268.201.797.926	-
	<u>268.201.797.926</u>	<u>-</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.839.155.252	-
Thuế thu nhập cá nhân	176.317.655	271.881.403
Thuế, phí, lệ phí khác	-	-
	<u>4.015.472.907</u>	<u>271.881.403</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2016	31/12/2015
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	86.600.124	84.600.124
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.600.124	84.600.124
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	86.600.124	84.600.124
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86.600.124	84.600.124
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 18 số 0300452060 ngày 23 tháng 5 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 866.001.240.000 đồng. Tại ngày cuối kỳ, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

Vốn đã góp tại ngày				
31/12/2016		31/12/2015		
VND	%	VND	%	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	209.738.510.000	24,22	209.738.510.000	24,79
Các cổ đông khác	656.262.730.000	75,78	636.262.730.000	75,21
866.001.240.000	100	846.001.240.000	100	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ như sau

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 31/12/2014	698.420.000.000	133.918.052.614	-	-	159.169.433.448	-	297.313.440.472	1.288.820.926.534
Tăng trong năm	147.581.240.000	-	-	-	-	-	21.067.983.551	168.649.223.551
Phát hành thêm cổ phiếu	147.581.240.000	-	-	-	-	-	(132.681.240.000)	14.900.000.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	153.749.223.551	153.749.223.551
Tạm trích Quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chuyển, tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	(57.971.775)	-	(83.349.788.080)	(83.407.759.855)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(83.110.124.000)	(83.110.124.000)
Trích Quỹ	-	-	-	-	-	-	(297.635.855)	(297.635.855)
Giảm khác	-	-	-	-	(57.971.775)	-	57.971.775	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	846.001.240.000	133.918.052.614	-	-	159.111.461.673	-	235.031.635.943	1.374.062.390.230
Tăng trong năm	20.000.000.000	-	-	-	-	-	118.968.169.175	138.968.169.175
Tăng vốn	20.000.000.000	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	132.342.967.298	132.342.967.298
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	(13.374.798.123)	(13.374.798.123)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	95.260.136.400	95.260.136.400
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	95.260.136.400	95.260.136.400
Số dư tại ngày 31/12/2016	866.001.240.000	133.918.052.614	-	-	159.111.461.673	-	258.739.668.718	1.417.770.423.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016	31/12/2015
1. Ngoại tệ các loại		
USD	-	62.806
2. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.724.228.756	37.562.425.784
Cổ tức, lợi nhuận được chia	101.991.128.336	130.043.964.289
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.172.198.089
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	128.715.357.092	169.778.588.162
	-	-

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	6.090.616.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	424.930.150
Chi phí tài chính khác	635.680.007	17.365.303.882
	635.680.007	23.880.850.578

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	142.337.387.573	161.870.130.143
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>9.625.842.138</i>	<i>5.087.045.928</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	9.475.842.138	1.587.045.928
- Chi phí trích trước	150.000.000	3.500.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>101.991.128.336</i>	<i>130.043.964.289</i>
- Cổ tức nhận được	101.991.128.336	130.043.964.289
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	49.972.101.375	36.913.211.782
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.994.420.275	8.120.906.592
	9.994.420.275	8.120.906.592

520
 NG T
 AN
 VỤ
 IQP
 HI
 CHÍ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	21.999.681.000	5.606.974.800
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	676.489.587.287
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	121.536.787.598
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Các đơn vị khác trong Tập đoàn	-	12.847.589.687

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được Công ty Kiểm toán PricewaterhouseCoopers Việt Nam kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



Hà Văn Phương
Người lập biểu
Ngày 23 tháng 01 năm 2017



Đào Văn Đại
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ
QUÝ 4 NĂM 2016 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2015**

Thực hiện theo thông tư 155/2015/TT-BTC, Tổng công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí giải trình biến động kết quả kinh doanh công ty Mẹ năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015 như sau:

Lợi nhuận của công ty mẹ trong Quý 4 năm 2016 đạt 109 tỷ đồng, giảm 5,8 tỷ đồng tương đương 5% so với cùng kỳ năm 2015 chủ yếu là do:

+ Doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ đạt 104 tỷ đồng, giảm 29 tỷ đồng tương đương giảm 22% so với cùng kỳ năm 2015 do cổ tức Công ty con chuyển về trong Quý 4 năm 2016 thấp hơn cùng kỳ năm 2015.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRƯỞNG BAN TC-KT
Đào Văn Đại